



**TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
SẢN PHẨM PHÁT LỘC ĐĂNG KHOA**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Aviva Việt Nam
Phòng 1001 B, Tầng 10, Tháp B, Tòa nhà Handi
Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3 771 5577 Fax: (024) 3 724 6446
Chăm sóc khách hàng: (024) 3 724 6699
www.aviva.com.vn; Wecare@aviva.com.vn

Chi nhánh: CN Dummy - Vietinbank
Ngày minh họa: 21/06/2017

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi bảo hiểm
Bên mua bảo hiểm:	Nguyễn Văn Nam	Nam	01/01/1980	37
Người được bảo hiểm chính (NĐBH chính):	Nguyễn Văn Định	Nam	01/01/2006	11

THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Định kỳ đóng phí: Năm

	Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm định kỳ (đồng)
Sản phẩm bảo hiểm chính: Phát Lộc Đăng Khoa	Nguyễn Văn Định	11	7	1.000.000.000	172.566.000
Sản phẩm bổ trợ:					
Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và sản phẩm bổ trợ					172.566.000

	Năm	06 tháng	Quý	Tháng
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ (đồng)	172.566.000	91.460.000	48.318.000	17.257.000

Ghi chú:

- Người được bảo hiểm chính là Người được bảo hiểm của Hợp đồng chính/sản phẩm bảo hiểm chính, Người được bảo hiểm bổ sung là Người được bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ.

- Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là mức phí cho người có điều kiện bảo hiểm tiêu chuẩn theo quy định của Aviva. Phí bảo hiểm áp dụng cho Quý khách có thể khác với minh họa ở trên, phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp và địa bàn sinh sống của Người được bảo hiểm và Bên mua bảo hiểm. Phần phí bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ Bảo hiểm Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn đã được ước tính trên nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG

A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG

Sản phẩm	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH)	Giá trị của quyền lợi bảo hiểm (đồng)	Ghi chú
<Product commercial name>	Dành cho Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn Định		
	QLBH tử vong/thương tật toàn bộ vĩnh viễn	1.000.000.000	QLBH chi tiết theo Năm hợp đồng xem tại phần B. QLBH của sản phẩm bảo hiểm chính.
	Quyền lợi Hỗ trợ phẫu thuật	20.000.000 50.000.000 100.000.000 200.000.000	Tỷ lệ trả tiền bằng 2%, 5%, 10% hoặc 20% Số tiền bảo hiểm tùy từng loại phẫu thuật. Tổng số tiền chi trả tối đa bằng 100% Số tiền bảo hiểm.
	Quyền lợi Tân khoa	50.000.000	
	Quyền lợi Quỹ học vấn	300.000.000 200.000.000 200.000.000 200.000.000 400.000.000	Tỷ lệ trả tiền bằng 30%, 20%, 20%, 20% và 40% Số tiền bảo hiểm vào các ngày kỉ niệm và đáo hạn Hợp đồng tương ứng với tuổi của NĐBH từ 18 tuổi đến 22 tuổi.
	Dành cho Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn Nam		
	QLBH tử vong/thương tật toàn bộ vĩnh viễn	1.000.000.000	- Nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi: trả QL thành các khoản bằng nhau hàng năm cho tới hết năm NĐBH 17 tuổi; nếu NĐBH từ 18 tuổi trở lên: trả 1 lần; và

Sản phẩm	Quyền lợi bảo hiểm (QLBH)	Giá trị của quyền lợi bảo hiểm (đồng)	Ghi chú
			- Miễn phí bảo hiểm phải đóng của Hợp đồng chính kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày Bên mua bảo hiểm tử vong/bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
	QLBH tử vong do tai nạn giao thông công cộng	500.000.000	Trả thêm ngoài QLBH tử vong.
	QLBH bệnh ung thư	1.000.000.000	Chi trả QLBH đồng thời miễn phí bảo hiểm phải đóng của Hợp đồng chính kể từ ngày đến hạn đóng phí ngay sau ngày Bên mua bảo hiểm bị ung thư.

B. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHÍNH

Đơn vị: đồng

Năm hợp đồng	Tuổi của NĐBH	Phí bảo hiểm hàng năm	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	QLBH dành cho Người được bảo hiểm				
				QLBH từ vong/ thương tật toàn bộ vĩnh viễn	Quyền lợi Hỗ trợ phẫu thuật	Quyền lợi Tân khoa	Quyền lợi Quỹ học vấn	Quyền lợi Quỹ học vấn tích lũy
		(*)	(*)	(*)	(**)	(*)	(*)	(***)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	11	172.566.000	172.566.000	1.000.000.000	1.000.000.000			
2	12	172.566.000	345.132.000	1.000.000.000	1.000.000.000			
3	13	172.566.000	517.698.000	1.000.000.000	1.000.000.000			
4	14	172.566.000	690.264.000	1.000.000.000	1.000.000.000			
5	15	172.566.000	862.830.000	1.000.000.000	1.000.000.000			
6	16	172.566.000	1.035.396.000	1.000.000.000	1.000.000.000			
7	17	172.566.000	1.207.962.000	1.000.000.000	1.000.000.000			
8	18		1.207.962.000	1.000.000.000	1.000.000.000	50.000.000	300.000.000	321.000.000
9	19		1.207.962.000	1.000.000.000	1.000.000.000		200.000.000	557.470.000
10	20		1.207.962.000	1.000.000.000	1.000.000.000		200.000.000	810.493.000
11	21		1.207.962.000	1.000.000.000	1.000.000.000		200.000.000	1.081.228.000
Đáo hạn	22						400.000.000	1.481.228.000

Năm hợp đồng	Tuổi của NĐBH	QLBH dành cho Bên mua bảo hiểm			Giá trị hoàn lại	Tổng Giá trị hoàn lại và các quyền lợi tiền mặt (tích lũy)
		QLBH tử vong/ thương tật toàn bộ vĩnh viễn	QLBH tử vong do tai nạn giao thông công cộng	QLBH bệnh ung thư		
		(*)	(*)	(*)	(****)	
(1)	(2)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)=(7)+(9)+(13)
1	11	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000		
2	12	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000		
3	13	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	108.280.000	108.280.000
4	14	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	288.620.000	288.620.000
5	15	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	538.450.000	538.450.000
6	16	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	748.700.000	748.700.000
7	17	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	928.920.000	928.920.000
8	18	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	746.210.000	1.117.210.000
9	19	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	651.580.000	1.209.050.000
10	20	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	530.310.000	1.340.803.000
11	21	1.000.000.000	500.000.000	1.000.000.000	380.000.000	1.461.228.000
Đáo hạn	22					1.481.228.000

Tổng quyền lợi tiền mặt (Quyền lợi Tân khoa và quyền lợi Quỹ học vấn)	Nếu nhận quyền lợi Quỹ học vấn	Nếu tích lũy quyền lợi Quỹ học vấn
Quyền lợi Tân khoa	50.000.000	50.000.000
Quyền lợi Quỹ học vấn	1.300.000.000	1.481.228.000
Tổng	1.350.000.000	1.531.228.000

Ghi chú:

- (*) Các số liệu được cam kết và không thay đổi, Quyền lợi Tân khoa giả định được trả khi Người được bảo hiểm 18 tuổi, Quyền lợi Quỹ học vấn tính tại đầu Năm hợp đồng.
- (**) Số liệu minh họa quyền lợi Hỗ trợ phẫu thuật được trả tối đa trong thời hạn bảo hiểm.
- (***) Các số liệu không cam kết, được tính với lãi suất giả định 7%/năm và tại cuối Năm hợp đồng. Lãi suất thực tế có thể thấp hơn hoặc cao hơn lãi suất giả định, phụ thuộc vào lãi suất đầu tư thực tế mà Aviva thực hiện hàng năm.

- (****) Các số liệu được cam kết và không thay đổi được tính tại cuối Năm hợp đồng.
- Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm hủy hợp đồng tại thời điểm không chẵn năm, giá trị hoàn lại sẽ được xác định theo công thức đã được Bộ Tài chính phê duyệt

Ghi chú:

- 1) Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này nhằm giúp Quý khách hiểu rõ hơn về quyền lợi bảo hiểm và phí bảo hiểm. Để biết thêm chi tiết, Quý khách vui lòng đề nghị Nhân viên tư vấn tư vấn thêm và/hoặc tham khảo các điều khoản Hợp đồng bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê chuẩn.
- 2) Các số liệu trong tài liệu minh họa này được xác định tại thời điểm minh họa, trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Nhân viên tư vấn của Aviva có tên và mã số như trong tài liệu này giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ về Tài liệu minh họa cũng như Điều khoản Hợp đồng của sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký Bên mua bảo hiểm

Họ và tên:	Nguyễn Văn Nam
Ngày/tháng/năm:	21/06/2017

XÁC NHẬN CỦA NHÂN VIÊN TƯ VẤN BẢO HIỂM

Tôi, Nhân viên tư vấn ký tên dưới đây, cam kết đã giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm về nội dung Tài liệu minh họa cũng như Điều khoản Hợp đồng của sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Chữ ký Nhân viên tư vấn:

Họ và tên:	Nguyễn Mai Anh
Mã số:	100021
Ngày/tháng/năm:	21/06/2017